

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

○ TS. ĐINH THẾ ĐỊNH - NGUYỄN THỊ NGÀ*

1. Giao tiếp (GT) và vai trò của GT đối với học sinh (HS) phổ thông

Có nhiều cách hiểu, cách định nghĩa khác nhau về khái niệm GT. Tuy nhiên, hiểu một cách chung nhất, GT là mối quan hệ qua lại giữa con người với con người, thể hiện sự tiếp xúc tâm lí giữa người với người, thông qua đó mà con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc,... Hay nói cách khác, GT là việc xác lập và vận hành các quan hệ người - người, hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác. Từ cách hiểu đó, có thể thấy rằng, GT có vai trò rất quan trọng vì nếu không có GT, con người sẽ không tồn tại được; và cũng chính trong quá trình GT, tư duy của con người ngày càng phát triển và hoàn thiện. Giai đoạn hiện nay, trong một thế giới hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng, đòi hỏi con người ngày càng phải mở rộng và nâng cao trình độ GT.

Đối với HS phổ thông, kĩ năng GT là khả năng mà mỗi HS thể hiện sự trao đổi cảm xúc, thông tin... hàng ngày với thầy cô, bạn bè và những người thân của mình lúc ở trường cũng như khi không đến trường chủ yếu bằng ngôn ngữ (lời nói). Các em đang trong «thời điểm» quan trọng nhất để hoàn thiện, khẳng định mình và GT có vai trò quyết định đến việc hình thành nhân cách của các em. Khoa học cũng đã chứng minh, những HS thiếu mức GT cần thiết thường dễ sinh ra các bệnh như: trầm cảm, tự ti, nhút nhát, khó hòa đồng và dẫn đến sự khuyết thiếu trong việc hình thành nhân cách; ngược lại, những HS có khả năng GT tốt sẽ giúp các em hiểu được mọi người cũng như chính mình, từ đó hoàn thiện bản thân tốt hơn.

2. Đặc điểm GT của HS trung học phổ thông (THPT) hiện nay

1) Thể hiện sự trong sáng, chân thành trong khi GT. Ở lứa tuổi này, việc xây dựng lí tưởng

sống và một «hình mẫu» cho riêng mình chỉ phải qua trình GT của HS. Các em luôn hướng tới một tình bạn, tình cảm trong sáng, chân thành với mọi người, nên hầu hết những suy nghĩ đều được thể hiện khi GT, giúp người đối diện cảm nhận rất rõ điều này. Đang ở trong quá trình giáo dục của nhà trường, sự «mở phạm» giúp các em khi GT thường rất lễ phép (đặc điểm mà các lứa tuổi sau đó không dễ duy trì ở ngoài xã hội).

2) Tùy theo năng lực mà hiệu quả GT của mỗi HS cũng không giống nhau. Có những em GT tốt, lại có những em mà những yếu tố cơ bản nhất khi GT cũng chưa xác định được và bộc lộ những hạn chế - nhất là về khả năng diễn đạt ý tưởng của bản thân, biết và nghĩ được nhiều hơn những gì có thể nói ra. Hơn nữa, do vốn từ ít, lại không biết dùng từ đồng nghĩa để thay thế nên thường dẫn đến sự nhàm chán và hiệu quả không cao trong khi GT. Nếu ở tiểu học hay trung học cơ sở, các em thường diễn đạt một câu có đầy đủ cả chủ ngữ và vị ngữ, thì ở cấp THPT, các em thường có thói quen dùng «câu tình lược» (thiếu chủ ngữ) hoặc «nói đồng», «nói tắt» trong GT.

Riêng đối với những HS được giao làm cán bộ lớp, cán bộ đoàn, khi GT với các bạn, các em thường không xác định được mục đích GT; và khi cần góp ý cho bạn thì chưa lựa chọn được hoàn cảnh GT phù hợp cũng như chưa hiểu được đối tượng GT của mình. Thông thường, khi nói chuyện hay trả lời câu hỏi, các em thường chỉ biết trả lời vào những nội dung chính, mà chưa biết dẫn dắt, lập luận để câu trả lời, lời nói của mình có sức thuyết phục hơn.

3) Phần lớn HS ở cấp THPT chịu nhiều áp lực thi cử, nên các em ít có thời gian để hoạt động xã hội, GT xã hội, giao lưu với bạn bè, điều này

* Trường Đại học Vinh

đã dẫn đến *thói quen ngại GT* và khi GT thường lúng túng.

4) *Thói quen sử dụng “ngôn ngữ mạng” quá nhiều* ngay cả khi GT trên lớp học đã tạo ra sự thiếu thiện cảm trong quá trình GT, làm cho các em mất đi vốn ngôn ngữ phổ thông và ảnh hưởng đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Có thể nói, những hạn chế trong GT đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống thường ngày của HS. Khi gặp những vấn đề bức xúc trong cuộc sống hay trong quan hệ với bạn bè, các em thường khóc lóc, than vãn, thậm chí cãi nhau và gây gở đánh nhau. Hiện tượng này nếu không được khắc phục sẽ dẫn đến sự bất đồng giữa HS với những người xung quanh, có nguy cơ dẫn đến bạo lực thể - một trong những nguyên nhân của bạo lực học đường hiện nay. Vì vậy, nhà trường, gia đình và xã hội cần có những biện pháp để nâng cao kỹ năng GT cho các em.

3. *Giải pháp để phát triển kỹ năng GT cho HS THPT hiện nay*

1) *Đối với GV*. Ở trường THPT, GV giữ vai trò quan trọng nhất giúp HS hình thành kỹ năng GT. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy, tiếp xúc với HS, GV cần:

- *Khuyến khích và động viên HS* nhiều hơn là phê phán, khiển trách vì các em có tính tự ái và «*st diện*» rất cao trước bạn bè - nhất là bạn bè khác giới. Việc khen chê đúng mực của GV là điều hết sức quan trọng, vì điều đó có thể dẫn đến tính tự cao, tự phụ hay tự ti trong GT.

- *Tôn trọng ý kiến của HS*. Có những hiện tượng diễn ra trong cuộc sống mà quan điểm, cách nhìn nhận, đánh giá của GV và HS không giống nhau, thậm chí là trái chiều. Do vậy, GV nên giữ thái độ tôn trọng ý kiến của HS nhằm phát triển sự sáng tạo ở các em và làm cho ngôn ngữ, ý tưởng GT của các em thêm phong phú.

- *Không áp đặt suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với HS* mà cần đặt niềm tin vào khả năng xử lý vấn đề và những cảm xúc của HS; luôn sẵn sàng lắng nghe, giúp đỡ và tôn trọng những cảm nhận đó. Sự lắng nghe của GV khi HS phát biểu ý kiến sẽ giúp hình thành ở các em khả năng *biết lắng nghe* khi GT...

- Thực tế đã chứng minh rằng: không có cách nào giúp HS hình thành và hoàn thiện kỹ năng GT tốt hơn bằng cách học hỏi từ thầy cô của mình. Cho nên, trước hết GV cần biết lắng nghe, tích cực rèn luyện trong cách diễn đạt, lựa chọn

ngôn ngữ phù hợp, tác phong mẫu mực trong dạy học cũng như khi GT ngoài giờ dạy với HS. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: «*Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*» (1).

2) *Đối với gia đình và xã hội*. Nhân cách cũng như kỹ năng GT của HS không chỉ được hình thành và hoàn thiện ở trường học, mà chịu sự tác động của nhiều môi trường, trong đó nhân tố gia đình và xã hội có ảnh hưởng quan trọng.

- *Về phía gia đình*: Gia đình có hai chức năng chính trong việc hình thành thói quen GT cho HS là *nuôi dưỡng và thanh lọc*. Thói quen GT của gia đình sẽ tác động không nhỏ đến HS, đồng thời chính gia đình cũng là nơi «*đánh giá*» và «*sửa đổi*» những hạn chế trong GT của các em. Với vai trò quan trọng đó, các thành viên trong gia đình (nhất là bố, mẹ HS) cần thường xuyên góp ý để kỹ năng GT của các em ngày càng hoàn thiện hơn.

- *Về phía xã hội*: cần tạo ra một môi trường lành mạnh giúp các em tiếp cận được những cái hay, cái đẹp, tránh được những ảnh hưởng, tác động không tốt của GT và ứng xử từ bên ngoài. Những cuộc phát động như: «*Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*», «*Nói lời hay làm việc tốt*», ... cần được tổ chức sâu rộng và thiết thực hơn trong nhà trường và xã hội. Ngoài ra, cũng cần có sự phê bình, lên tiếng cảnh báo của xã hội về GT và ứng xử thiếu văn hóa trong đời sống thường ngày, từ đó tạo ra một chuẩn mực trong GT xã hội để HS làm theo, noi theo.

Bên cạnh những yếu tố trên, việc hình thành và hoàn thiện kỹ năng GT cho HS THPT quan trọng nhất vẫn là từ bản thân các em. Cũng giống như các lĩnh vực khác, đó phải là một quá trình rèn luyện nghiêm túc, không thể áp đặt, cũng không thể có một biện pháp nào có thể giúp cho kỹ năng GT ở các em tốt hơn trong một sớm một chiều. Bởi vậy, để có kỹ năng GT tốt, HS phải tiếp thu ngôn ngữ một cách có chọn lọc qua «*lăng kính*» chủ quan của mình, từ đó tạo ra cho bản thân một phong cách GT có văn hóa.

Rèn luyện để có được một kỹ năng GT tốt là điều hết sức quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Ông cha ta đã từng nói «*miếng trầu là*

(Xem tiếp trang 26)

HIV sẽ mắc một số bệnh thường gặp như sốt, ho, viêm họng, tiêu chảy, đau bụng, ngứa... khiến trẻ không tham gia học được.

- Hiện nay, việc thực thi luật phòng chống HIV/AIDS còn hạn chế. 28,5% người lớn và 38% trẻ nhiễm H nhận thấy điều này là lí do khiến các em không được tiếp nhận đến trường để học tập.

- 25% trẻ nhiễm HIV cho rằng, nhà trường, thầy hiệu trưởng không muốn nhận các em đến lớp vì áp lực của các phụ huynh HS khác, và lo sợ các em sẽ lây nhiễm bệnh đến các bạn.

- GV không biết cách chăm sóc cho những trẻ có HIV: 33% ý kiến của người lớn và 15% các em nhiễm HIV cho rằng GV cũng kì thị, xa lánh, không biết cách chăm sóc các em.

- Ngoài ra, chính quyền địa phương không cho phép, các cơ quan ban ngành vẫn chưa mạnh mẽ vào cuộc cũng là nguyên nhân làm cho các em chưa được đến trường.

Những nguyên nhân trên bắt nguồn từ nhận thức về HIV/AIDS. Phần lớn người dân trong cộng đồng, các bậc phụ huynh chưa hiểu về căn bệnh này, sự lây truyền và các cách phòng tránh, nên họ có thái độ kì thị, xa lánh những người có HIV nói chung và trẻ em có HIV nói riêng. Còn những người được trang bị kiến thức và kĩ năng phòng tránh, chăm sóc người có HIV thì có sự hiểu biết và không còn thái độ phân biệt, kì thị đối với

nhóm trẻ nhiễm HIV. Khi được hỏi, phần lớn các thành viên của nhóm điều tra đều cho phép con em mình học tập bình thường với trẻ có HIV (33% cán bộ) và dặn dò con em cẩn thận khi tiếp xúc với những trẻ đó (58% cán bộ). Tuy có sự hiểu biết và có trình độ, nhưng cũng có một số người yêu cầu con em phải tránh xa trẻ nhiễm HIV (3,5%), cũng như chuyển lớp không cho con em học cùng với trẻ đó (1,5%) và yêu cầu nhà trường không cho trẻ đó học tiếp (4%).

Để trẻ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được GDHN và có cơ hội học tập, phát triển đời sống, Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và các ban, ngành đoàn thể xã hội cũng như toàn bộ cộng đồng nỗ lực đấu tranh, chung tay góp sức. □

(1) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. "Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn 2020". 2009.

(2) Tô Thu Hà. Tìm hiểu Luật Phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV - AIDS). NXB Lao động, H. 2007.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Ngọc Bình. Giới thiệu Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em. NXB Chính trị quốc gia, H. 2007.

Hoàn thiện kĩ năng giao tiếp...

(Tiếp theo trang 21)

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn. Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam. NXB Khoa học xã hội, H. 1995.
2. Nguyễn Tuấn Dũng - Đỗ Minh Hợp. Từ điển quản lí xã hội. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Nguyễn Trọng Điều (chủ biên). Quản trị nguồn nhân lực, quan hệ giao tiếp và một số kĩ năng lãnh đạo trong tổ chức (tập 2). NXB Chính trị quốc gia, H. 2003.
4. Nguyễn Ngọc Hiến. Thiết kế chương trình đào tạo quản lí nhà nước trên cơ sở năng lực ở Việt Nam hiện nay. NXB Chính trị quốc gia, H. 2006.

SUMMARY

The article discusses the designing of syllabus and implementing the training of communication skills for commune officers in mountainous areas in Bac Kan province in order to overcome their shortcomings in communication skills in grass-root administrative management.

Phát triển kĩ năng giao tiếp...

(Tiếp theo trang 23)

đầu câu chuyện", hay "bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra" - vì vậy, ngay khi đang học tập trong nhà trường phổ thông, HS cần rèn luyện để có được một kĩ năng GT phù hợp trong quá trình hoàn thiện bản thân, đó cũng là yếu tố quan trọng cho sự thành công của các em trong tương lai.

(1) Hồ Chí Minh. Toàn tập (tập 1, tr.263). NXB Chính trị quốc gia, H. 2002.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên). Giáo trình tâm lí học đại cương. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
2. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên). Kĩ năng giao tiếp. NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2011.
3. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên). Tâm lí học giao tiếp. NXB Đại học sư phạm, TP. Hồ Chí Minh, 2011.
4. T.Harv Eker. Bí quyết tư duy của những người giàu có. NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2011.